

GIÁO DỤC SINH VIÊN HƯỚNG ĐẾN CÔNG DÂN TOÀN CẦU: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ THANH HÒA

Khoa Luật và Khoa học Chính trị, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: lethanhhoa@iuh.edu.vn

DOIs: <https://www.doi.org/10.46242/jstiuh.v79i1.5798>

Tóm tắt. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, giáo dục công dân toàn cầu đã trở thành một định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục đại học. Bài báo này tập trung phân tích cách thức giáo dục sinh viên hướng đến công dân toàn cầu tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (IUH). Trên cơ sở khung lý thuyết về công dân toàn cầu do UNESCO, OECD và Oxfam đề xuất, nghiên cứu tiến hành khảo sát 400 sinh viên nhằm đánh giá mức độ nhận thức, kỹ năng và thái độ về công dân toàn cầu của sinh viên. Kết quả cho thấy đa số sinh viên có nhận thức tích cực về công dân toàn cầu, song năng lực ngoại ngữ, kỹ năng liên văn hóa và khả năng tham gia các hoạt động toàn cầu còn hạn chế. Nghiên cứu cũng chỉ ra những nỗ lực của IUH trong việc lồng ghép giáo dục công dân toàn cầu vào chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa, đồng thời nhận diện những khó khăn như thiếu nguồn lực, cơ hội quốc tế hóa chưa đồng đều. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục công dân toàn cầu cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập.

Từ khóa: công dân toàn cầu, sinh viên, giáo dục đại học, hội nhập quốc tế, Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM.

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng và tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra mạnh mẽ, yêu cầu về năng lực, kỹ năng và phẩm chất của nguồn nhân lực trẻ không chỉ dừng lại trong phạm vi quốc gia mà còn mở rộng theo hướng công dân toàn cầu. Những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, di cư, chuỗi cung ứng xuyên quốc gia, chuyển đổi số và hợp tác đa văn hóa đòi hỏi người học, đặc biệt là sinh viên đại học phải sở hữu tư duy toàn cầu, kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, năng lực giao tiếp bằng các ngoại ngữ khác nhau, cùng tinh thần trách nhiệm xã hội ngày càng được thắt chặt. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học giữ vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển những năng lực trên, thông qua chương trình đào tạo, hoạt động ngoại khóa, hợp tác quốc tế và môi trường học tập đa văn hóa của các trường đại học.

Khái niệm giáo dục công dân toàn cầu (global citizenship education) được các tổ chức quốc tế như Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO), Oxfam (một liên minh toàn cầu gồm 20 tổ chức phi chính phủ (NGO)) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) đề xuất như một khuôn khổ tích hợp bao gồm ba yếu tố cơ bản: nhận thức, kỹ năng và thái độ. Ở cấp độ đại học, giáo dục công dân toàn cầu không chỉ dừng ở việc trang bị tri thức về các vấn đề toàn cầu, mà còn hướng tới việc phát triển năng lực phân tích các vấn đề xuyên biên giới, khả năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, cũng như sự tham gia tích cực vào các hành động có trách nhiệm vì mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, tại Việt Nam, cách thức triển khai và mức độ hiệu quả của giáo dục công dân toàn cầu trong các cơ sở giáo dục đại học còn nhiều khác biệt, phụ thuộc vào định hướng chiến lược, nguồn lực, năng lực đội ngũ giảng viên và mức độ quốc tế hóa chương trình đào tạo.

Quá trình hội nhập quốc tế và giáo dục của Việt Nam, thông qua các hiệp định, hợp tác đào tạo và chương trình trao đổi quốc tế, vừa mở ra cơ hội vừa đặt ra những yêu cầu mới cho các trường đại học. Nhà trường cần cập nhật chương trình đào tạo, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên, đồng thời chú trọng phát triển kỹ năng mềm, tư duy phản biện và tinh thần trách nhiệm xã hội. Dù đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến lý thuyết và các khuyến nghị chung về giáo dục công dân toàn cầu, song các nghiên cứu tình huống cụ thể tại từng cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực vẫn còn hạn chế. Điều này dẫn tới khó khăn trong việc chuyển hóa khuyến nghị lý thuyết thành chính sách, mô hình hoặc giải pháp phù hợp với đặc thù của từng trường.

Nghiên cứu này lựa chọn IUH làm nghiên cứu trường hợp nhằm khảo sát thực trạng và đánh giá mức độ triển khai giáo dục sinh viên hướng đến công dân toàn cầu. Việc lựa chọn IUH xuất phát từ đặc điểm đây là một cơ sở giáo dục đại học có quy mô lớn ở Việt Nam, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, có quan hệ hợp tác sâu rộng với doanh nghiệp trong và ngoài nước, đồng thời định hướng đào tạo gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường lao động. Do đó, IUH được xem là môi trường nghiên cứu phù hợp để xem xét cách thức lồng ghép năng lực toàn cầu vào chương trình và hoạt động đào tạo của các trường đại học ở Việt Nam. Đặc biệt, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025, Bộ Chính trị khẳng định trọng tâm phát triển giáo dục với mong muốn xây dựng hướng đến “công dân toàn cầu”, đồng thời hài hòa giữa giá trị dân tộc và chuẩn mực quốc tế. Cụ thể, Nghị quyết nhấn mạnh: “Giáo dục bảo đảm hài hòa giữa tính toàn dân và tinh hoa, toàn diện và chuyên sâu, dân tộc và toàn cầu. Phát triển giáo dục trên nền tảng văn hóa, giá trị truyền thống dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, chuẩn mực quốc tế; giáo dục, đào tạo công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu” (Bộ Chính trị, 2025).

Do đó, giáo dục nói chung và giáo dục đại học ở Việt Nam nói riêng cần quán triệt và nhanh chóng hiện thực hóa chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết đã đặt ra. Trước tính cấp thiết này, mục tiêu nghiên cứu của bài báo hướng đến: (1) hệ thống hóa cơ sở lý luận về giáo dục công dân toàn cầu và các yếu tố cấu thành phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học hướng đến đào tạo công dân toàn cầu; (2) nghiên cứu tiến hành khảo sát và đánh giá thực trạng nhận thức, kỹ năng, thái độ công dân toàn cầu của sinh viên tại IUH; (3) phân tích các chính sách, chương trình đào tạo và hoạt động của IUH liên quan đến giáo dục công dân toàn cầu, qua đó nhận diện những điểm mạnh và hạn chế còn tồn tại; và (4) đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục công dân toàn cầu trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

Tương ứng với các mục tiêu đặt ra của nghiên cứu, bài báo tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu chính sau: (1) Công dân toàn cầu được hiểu và cụ thể hóa như thế nào trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, đặc biệt ở các trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực? (2) Mức độ nhận thức, kỹ năng, thái độ liên quan đến công dân toàn cầu của sinh viên IUH hiện nay ra sao? (3) IUH đã và đang triển khai những chính sách, chương trình hay hoạt động nào hỗ trợ giáo dục công dân toàn cầu? Những yếu tố nào thúc đẩy hoặc cản trở quá trình này? (4) Những giải pháp thực tiễn và có tính khả thi nào có thể được đề xuất nhằm nâng cao năng lực công dân toàn cầu cho sinh viên trong điều kiện nguồn lực và cơ chế hiện hành?

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm công dân toàn cầu

Thuật ngữ công dân toàn cầu (global citizenship) xuất hiện phổ biến từ cuối thế kỷ XX khi toàn cầu hóa và các thách thức xuyên quốc gia ngày càng gia tăng. Theo UNESCO (2015), “Công dân toàn cầu đề cập đến cảm nhận thuộc về một cộng đồng rộng lớn và có tính nhân văn chung nhấn mạnh mối liên kết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau về chính trị, kinh tế, xã hội, và văn hóa giữa địa phương, quốc gia và toàn cầu” (UNESCO, 2015). Như vậy, công dân toàn cầu là những cá nhân nhận thức được sự gắn kết lẫn nhau của thế giới, hiểu các vấn đề toàn cầu, tôn trọng sự đa dạng, có trách nhiệm hành động vì hòa bình, công bằng và phát triển bền vững của nhân loại. OECD (2018) nhấn mạnh đến năng lực toàn cầu, để có công dân toàn cầu đòi hỏi: Tạo ra kiến thức và hiểu biết cho thế kỷ XXI; Các kỹ năng, thái độ và các giá trị hình thành hành vi, cách ứng xử của con người để chống lại sự phân biệt, bất công trong trường học, gia đình, xã hội; Tư duy phản biện; Các năng lực cốt lõi của người học là khả năng huy động kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị, cùng với cách tiếp cận phản ánh các quá trình học tập, để tham gia và hành động trên thế giới (OECD, 2018). Vậy nên, năng lực công dân toàn cầu bao gồm khả năng phân tích các vấn đề xuyên quốc gia, nhận diện quan điểm khác biệt, giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và tham gia hành động vì lợi ích chung. Theo Oxfam (2015), công dân toàn cầu là “những người nhận thức và hiểu được thế giới rộng lớn hơn cũng như vị trí của họ trong thế giới đó. Họ đóng vai trò tích cực trong cộng đồng và hợp tác lẫn nhau để làm cho hành tinh của chúng ta bình đẳng, công bằng và bền vững hơn” (Oxfam, 2015). Do đó, có thể hiểu công dân toàn cầu là những người biết và quan tâm đến thế giới, có tư duy phản biện, biết tôn trọng nhân quyền và cam kết hành động nhằm tạo ra sự thay đổi tích cực.

Ở Việt Nam, khái niệm công dân toàn cầu được Lương Việt Thái định nghĩa “công dân toàn cầu Việt Nam là người có khả năng hành động hợp tác, có trách nhiệm, sáng tạo, giải quyết những vấn đề chung của cộng đồng, góp phần làm cho địa phương, đất nước, thế giới tốt đẹp và phát triển bền vững. Tôn trọng

quyền con người, sự đa dạng, trân trọng phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc, đất nước” (Lương Việt Thái, 2022, tr. 120).

Mặc dù có nhiều cách diễn giải, điểm chung của các tổ chức quốc tế đều xoay quanh ba yếu tố trụ cột: (i) về nhận thức về công dân toàn cầu, (ii) kỹ năng về công dân toàn cầu, (iii) thái độ về công dân toàn cầu. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để xây dựng khung năng lực và chương trình giáo dục công dân toàn cầu trong bối cảnh đại học.

2.2. Các mô hình khung năng lực công dân toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhiều tổ chức quốc tế đã xây dựng các mô hình khung năng lực công dân toàn cầu nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục, góp phần hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết cho con người trong thế kỷ XXI.

Trước hết, khung năng lực của UNESCO (2015) đề cập, để trở thành công dân toàn cầu, cá nhân cần tôn trọng các giá trị nhân văn, không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo, tuổi tác hay quan điểm chính trị; đồng thời đề cao sự đa dạng văn hóa, quan điểm đa chiều và giá trị của thế giới tự nhiên. Công dân toàn cầu cũng phải có trách nhiệm trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu với nhiều cách tiếp cận khác nhau, nuôi dưỡng tư duy toàn cầu nhằm góp phần xóa bỏ bất bình đẳng và bất công xã hội.

Tiếp đến, khung năng lực của Oxfam (2015), Công dân toàn cầu được hình thành từ các năng lực cốt lõi như: ý thức về thế giới rộng lớn và vai trò của bản thân như một thành viên trong cộng đồng toàn cầu; sự tôn trọng khác biệt văn hóa và giá trị; hiểu biết về sự vận hành của thế giới; niềm đam mê giải quyết các vấn đề công bằng xã hội; khả năng tham gia cộng đồng ở nhiều cấp độ, từ địa phương đến quốc tế; tinh thần sẵn sàng hợp tác để kiến tạo một thế giới công bằng, bền vững; cũng như tinh thần trách nhiệm đối với hành động của chính mình.

Cuối cùng, khung năng lực toàn cầu của OECD (2018), khung này tập trung vào việc giúp người học phân tích và đánh giá các vấn đề toàn cầu, đồng thời nhấn mạnh việc trang bị tri thức và hiểu biết phù hợp với bối cảnh thế kỷ XXI. OECD đề cao các kỹ năng, thái độ và giá trị định hướng hành vi, góp phần chống lại sự phân biệt và bất công trong gia đình, nhà trường và xã hội. Khung này cũng chú trọng phát triển tư duy phản biện và năng lực huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị, qua đó giúp người học tham gia và hành động hiệu quả trong môi trường toàn cầu.

Từ những khung năng lực đề cập trên, khung năng lực chung của công dân toàn cầu trong giáo dục hiện nay, năng lực công dân toàn cầu bao gồm ba thành tố cơ bản đó là: (1) về nhận thức cần: Hiểu biết về thế giới, về sự đa dạng văn hóa – xã hội, về các thách thức toàn cầu và cách thức vận hành của các hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội. (2) về kỹ năng cần: Khả năng tư duy phản biện, giao tiếp liên văn hóa, giải quyết vấn đề, hợp tác, tham gia tích cực vào cộng đồng ở nhiều cấp độ. (3) về thái độ cần tôn trọng nhân quyền, công bằng, bình đẳng và đa dạng; đề cao trách nhiệm xã hội; nuôi dưỡng tinh thần nhân văn, ý thức bền vững và tinh thần hành động toàn cầu.

Như vậy, công dân toàn cầu không chỉ được xác định qua kiến thức mà còn ở kỹ năng và thái độ. Đây là cơ sở quan trọng để các cơ sở giáo dục, đặc biệt là bậc đại học, định hướng đào tạo nhằm giúp sinh viên vừa có năng lực chuyên môn, vừa phát triển toàn diện các năng lực công dân toàn cầu, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động quốc tế và thích ứng với những biến đổi xã hội xuyên quốc gia.

2.3. Giáo dục công dân toàn cầu trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay

Nhiều nghiên cứu quốc tế khẳng định rằng giáo dục đại học là môi trường thuận lợi để triển khai giáo dục công dân toàn cầu, bởi sinh viên trong độ tuổi trưởng thành có khả năng tiếp cận tri thức, khai thác thông tin đa chiều và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội. Theo Banks (2008), giáo dục đại học có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành tư duy toàn cầu cho sinh viên thông qua việc quốc tế hóa chương trình đào tạo, thúc đẩy nghiên cứu đa văn hóa và mở rộng cơ hội học tập xuyên biên giới.

Ở Việt Nam, yêu cầu xây dựng công dân toàn cầu trong giáo dục đại học ngày càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Nghị quyết số 71-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh mục tiêu phát triển con người Việt Nam toàn diện, có tri thức, kỹ năng, năng lực hội nhập, ý thức công dân và trách nhiệm xã hội, đồng thời đề cao giáo dục công dân toàn cầu gắn với mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Văn kiện này cũng chỉ rõ định hướng phát triển giáo dục đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, vừa đáp ứng yêu cầu trong nước, vừa có khả năng tham gia thị trường lao động khu vực và quốc tế.

Trong bối cảnh đó, giáo dục công dân toàn cầu tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay có thể được triển khai theo khung năng lực sau:

Về nhận thức: Có hiểu biết sâu sắc về các vấn đề của quê hương, đất nước cũng như các vấn đề toàn cầu, bao gồm hòa bình, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Nhận thức được đặc tính đa dạng và sự khác biệt về văn hóa, lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, giới tính, tôn giáo và các khía cạnh xã hội khác; Hiểu rõ tính gắn kết, sự tương tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa các vấn đề trong phạm vi địa phương, quốc gia và toàn cầu; Nhận thức được cơ hội, trách nhiệm và vai trò của bản thân với tư cách là công dân ở nhiều cấp độ: địa phương, quốc gia và quốc tế.

Về kỹ năng: Có khả năng tìm tòi, khám phá, phân tích và phản biện các vấn đề trong học tập và đời sống xã hội; Thành thạo kỹ năng giao tiếp, phát triển và quản lý các mối quan hệ xã hội trên nền tảng hợp tác và tôn trọng lẫn nhau; Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu, giao tiếp và tham gia các hoạt động cộng đồng; Có kỹ năng tham gia các hoạt động tập thể, chủ động và sáng tạo trong giải quyết các công việc chung của cộng đồng, bao gồm trao đổi, thảo luận, hợp tác giải quyết vấn đề và ra quyết định; Biết tự nhận thức về giá trị, niềm tin, vị trí của bản thân; có khả năng tự học, tự phát triển năng lực cá nhân và nghề nghiệp; Có năng lực giao tiếp và hợp tác hiệu quả với bạn bè, đối tác quốc tế; Có khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa và hội nhập với các nền văn hóa khác nhau trên thế giới; Hành động một cách tự chủ, có hiểu biết, hiệu quả, hợp tác và có trách nhiệm vì mục tiêu hòa bình, công bằng và phát triển bền vững ở các cấp độ địa phương, quốc gia và toàn cầu.

Về thái độ: Nuôi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, gia đình; biết yêu thương con người, quan tâm, đồng cảm, chia sẻ và đoàn kết với người khác; Tôn trọng sự khác biệt và tính đa dạng; trân trọng giá trị văn hóa của dân tộc mình cũng như các dân tộc trên thế giới; Thể hiện thái độ tôn trọng và cam kết với các giá trị dân chủ, nhân quyền, công bằng xã hội; Quan tâm đến các vấn đề môi trường và những hệ quả của hành động con người, đồng thời có ý thức tìm kiếm và đóng góp giải pháp cho các thách thức mang tính toàn cầu; Sống và hành động theo lẽ phải, hướng đến những giá trị tốt đẹp chung, cam kết vì lợi ích cộng đồng, quốc gia và nhân loại.

Tuy nhiên, việc triển khai giáo dục công dân toàn cầu trong các trường đại học Việt Nam vẫn còn đối diện nhiều thách thức. Các khó khăn chủ yếu bao gồm: hạn chế về nguồn lực tài chính và nhân lực; chương trình đào tạo còn thiên về chuyên môn kỹ thuật, ít chú trọng đến giáo dục liên ngành và các giá trị toàn cầu; năng lực ngoại ngữ và kỹ năng mềm của một bộ phận sinh viên chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập; đồng thời sự gắn kết giữa chiến lược phát triển nhà trường với mục tiêu đào tạo công dân toàn cầu chưa thực sự đồng bộ (Leask, 2015).

Tóm lại, giáo dục công dân toàn cầu trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay vừa là xu thế tất yếu, vừa là yêu cầu chiến lược nhằm thực hiện mục tiêu phát triển con người toàn diện theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW. Việc triển khai hiệu quả nội dung này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học mà còn trang bị cho thế hệ trẻ Việt Nam năng lực, kỹ năng và phẩm chất cần thiết để trở thành công dân toàn cầu, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển bền vững của đất nước và cộng đồng quốc tế.

2.4. Nghiên cứu trong nước

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, khái niệm công dân toàn cầu ngày càng được đề cập rộng rãi trong các văn kiện chính sách và nghiên cứu khoa học giáo dục ở Việt Nam. Về mặt định hướng vĩ mô, Đảng Cộng sản Việt Nam hướng đến mục tiêu: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr. 232-233) Đây là quan điểm chỉ đạo quan trọng cho việc nghiên cứu giáo dục sinh viên Việt Nam trở thành công dân toàn cầu với những vấn đề cụ thể.

Trong những năm gần đây, nhiều nhà nghiên cứu trong nước tiếp cận chủ đề giáo dục công dân toàn cầu dưới các góc độ khác nhau, cụ thể: Nguyễn Thanh Minh (2021) đã tiến hành nghiên cứu kiểm định thang đo đo lường quan điểm của sinh viên về công dân toàn cầu tại Việt Nam. Nghiên cứu cho thấy ba thành tố quan trọng trong nhận thức của sinh viên về công dân toàn cầu gồm: trách nhiệm xã hội, năng lực toàn cầu và hoạt động công dân toàn cầu. Kết quả nghiên cứu chứng minh rằng thang đo quốc tế có thể áp dụng được tại Việt Nam, góp phần cung cấp công cụ đo lường đáng tin cậy trong bối cảnh nghiên cứu nội địa (Nguyễn Thanh Minh, 2021). Tiếp đến, Nguyễn Minh Trí (2022) khi nghiên cứu về tác động của toàn cầu hóa đến đào tạo công dân toàn cầu tại TP.HCM cho rằng, toàn cầu hóa vừa mở ra nhiều cơ hội, vừa đặt ra không ít thách thức. Thành phố có điều kiện tiếp thu tri thức, công nghệ, hợp tác quốc tế, từ đó nâng cao

chất lượng giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, cũng phải đối diện với nguy cơ tụt hậu, mai một bản sắc văn hóa và những ảnh hưởng tiêu cực về tư tưởng, lối sống. Tác giả nhấn mạnh vai trò then chốt của giáo dục và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển công dân toàn cầu đáp ứng yêu cầu hội nhập. Phạm Thị Thúy Vân (2024) đã phân tích kinh nghiệm giáo dục công dân toàn cầu tại Singapore, Hàn Quốc và Australia, từ đó rút ra gợi ý cho việc điều chỉnh môn Giáo dục công dân trong chương trình phổ thông Việt Nam. Bài viết đề xuất lồng ghép các thành tố công dân toàn cầu như năng lực liên văn hóa, hiểu biết về vấn đề toàn cầu, tinh thần trách nhiệm xã hội vào nội dung giảng dạy, nhằm chuẩn bị nền tảng cho học sinh, sinh viên trở thành công dân toàn cầu (Phạm Thị Thúy Vân, 2024). Tiếp đến, Nguyễn Thị Phương Hồng và cộng sự (2025), đã thực hiện nghiên cứu về tổng quan lý thuyết về lý tưởng công dân toàn cầu trong giáo dục quốc tế: những hàm ý vận dụng cho Việt Nam. Nghiên cứu nhấn mạnh việc xây dựng khung khái niệm phù hợp với đặc thù văn hóa – xã hội Việt Nam, đồng thời chỉ ra những thách thức về nguồn lực, năng lực giảng dạy và môi trường thực hành để triển khai giáo dục công dân toàn cầu trong bối cảnh đại học (Nguyễn Thị Phương Hồng & cộng sự., 2025).

Tóm lại, các nghiên cứu trong nước đã bước đầu hình thành hệ thống cơ sở lý luận, xây dựng khung năng lực, tham khảo kinh nghiệm quốc tế và triển khai một số nghiên cứu thực nghiệm ban đầu về giáo dục công dân toàn cầu. Tuy nhiên, có thể nhận thấy ba hạn chế lớn như: phần lớn nghiên cứu mới dừng lại ở mức độ lý luận hoặc đề xuất chính sách; số lượng nghiên cứu thực nghiệm tại các trường đại học còn ít, chủ yếu khảo sát nhận thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên; thiếu các nghiên cứu quy mô lớn, dài hạn hoặc so sánh liên trường về việc triển khai giáo dục công dân toàn cầu. Những khoảng trống này cho thấy nhu cầu cấp thiết về các nghiên cứu thực địa, nghiên cứu đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo và phân tích trường hợp điển hình để rút ra bài học cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

2.5. Khoảng trống nghiên cứu

Từ tổng quan có thể nhận thấy rằng, trên thế giới giáo dục công dân toàn cầu đã được khái niệm hóa rõ ràng với nhiều khung năng lực và mô hình triển khai đa dạng trong giáo dục đại học. Các nghiên cứu quốc tế không chỉ dừng lại ở lý luận mà còn chú trọng đến thực nghiệm, đánh giá tác động của các chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa đối với sự hình thành năng lực công dân toàn cầu ở sinh viên.

Ở Việt Nam, mặc dù đã có những công trình bước đầu tiếp cận chủ đề này, song nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế. *Thứ nhất*, đa số mới dừng lại ở mức độ lý luận hoặc tham khảo kinh nghiệm quốc tế, thiếu các minh chứng thực nghiệm sâu sắc trong bối cảnh đại học Việt Nam. *Thứ hai*, số lượng nghiên cứu thực địa còn ít, chủ yếu tập trung vào khảo sát nhận thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên, trong khi chưa có nhiều đánh giá định lượng kết hợp định tính để phản ánh toàn diện thực trạng. *Thứ ba*, hầu như chưa có nghiên cứu quy mô lớn, dài hạn hoặc so sánh liên trường, đặc biệt là tại các cơ sở giáo dục đại học định hướng đa ngành nơi đào tạo lực lượng lao động quan trọng cho tiến trình hội nhập.

Do đó, nghiên cứu này hướng tới bổ sung vào khoảng trống nói trên bằng cách: (i) vận dụng khung lý thuyết quốc tế để phân tích bối cảnh Việt Nam, (ii) thực hiện nghiên cứu trường hợp tại IUH với sự kết hợp phương pháp định lượng và định tính, và (iii) từ kết quả nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cụ thể, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục công dân toàn cầu trong môi trường đại học.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thứ nhất, thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu được thiết kế theo hướng định lượng, tập trung khảo sát sinh viên nhằm đo lường mức độ nhận thức, kỹ năng và thái độ về công dân toàn cầu. Cách tiếp cận này cho phép thu thập dữ liệu quy mô lớn, phản ánh khách quan thực trạng và làm cơ sở để đề xuất giải pháp phù hợp cho giáo dục đại học.

Thứ hai, đối tượng và phạm vi nghiên cứu. Đối tượng nghiên cứu: ba thành tố năng lực công dân toàn cầu gồm nhận thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên; Khách thể khảo sát: 400 sinh viên tại IUH, bao gồm các ngành học; Phạm vi nghiên cứu: tiến hành tại IUH trong năm 2024–2025. Cụ thể:

| STT | Hạng mục | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------|------------------|------------|-------------|
| Tổng phiếu (n) | | 400 | 100% |
| 1 | Giới tính | | |
| | Nữ | 211 | 52,75% |
| | Nam | 189 | 47,25% |

| 2 | Khối ngành | | |
|---|---------------------------------|-----|--------|
| | Khối ngành kỹ thuật – công nghệ | 193 | 48,25% |
| | Khối ngành khác | 94 | 23,50% |
| | Khối ngành kinh tế | 79 | 19,75% |
| | Khối ngành khoa học xã hội | 34 | 8,50% |
| 3 | Năm học | | |
| | Năm 1 | 106 | 26,50% |
| | Năm 2 | 170 | 42,50% |
| | Năm 3 | 71 | 17,75% |
| | Năm 4 | 53 | 13,25% |

Thứ ba, công cụ và phương pháp thu thập dữ liệu. Nghiên cứu tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi được sử dụng làm công cụ chính, phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên. Bảng hỏi được thiết kế dựa trên khung năng lực công dân toàn cầu do UNESCO (2015) và OECD (2018) gợi ý, nhưng được điều chỉnh theo khung lý thuyết của nghiên cứu 24 mục hỏi chia thành ba nhóm: nhận thức (4 chỉ báo), kỹ năng (8 chỉ báo) và thái độ (6 chỉ báo), đó là: *Về nhận thức*, hiểu biết về các vấn đề toàn cầu; *Về kỹ năng*, các kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, tư duy phản biện, sử dụng ngoại ngữ và công nghệ để tham gia môi trường đa văn hóa; *Về thái độ*, tinh thần tôn trọng sự đa dạng, trách nhiệm xã hội, ý thức hội nhập quốc tế và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

Bảng hỏi được xây dựng theo thang đo Likert 5 mức độ (1/Hoàn toàn không đồng ý; 2/Không đồng ý; 3/Phân vân; 4/Đồng ý; 5/Hoàn toàn đồng ý). Ngoài ra, nghiên cứu tiến hành phân tích tài liệu nhằm đối chiếu dữ liệu khảo sát với các văn bản chiến lược phát triển, báo cáo của nhà trường, chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa liên quan đến công dân toàn cầu.

Thứ tư, quy trình nghiên cứu. Bước 1: xây dựng khung lý thuyết (nhận thức, kỹ năng, thái độ) và thiết kế bảng hỏi; Bước 2: Tiến hành khảo sát chính thức với 400 sinh viên tại IUH; Bước 3: Thu thập và phân tích các tài liệu có liên quan; Bước 4: Xử lý, phân tích dữ liệu và đối chiếu với khung lý thuyết; Bước 5: Viết báo cáo và đề xuất giải pháp.

Thứ năm, phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu. Dữ liệu định lượng được xử lý bằng SPSS/Excel. Các kỹ thuật phân tích bao gồm: Thống kê mô tả (tần suất, trung bình, độ lệch chuẩn) nhằm phản ánh mức độ của từng thành tố; Phân tích tương quan để xác định mối quan hệ giữa nhận thức, kỹ năng và thái độ.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Kết quả khảo sát sinh viên

4.1.1. Nhận thức về công dân toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức của sinh viên về công dân toàn cầu là nền tảng quan trọng, quyết định đến thái độ và hành vi của họ trong học tập, lao động và đời sống xã hội. Để làm rõ thực trạng này, nghiên cứu đã khảo sát ý kiến sinh viên IUH về các khía cạnh nhận thức của sinh viên về công dân toàn cầu, như sau:

Bảng 4.1.1. Kết quả khảo sát nhận thức của sinh viên về công dân toàn cầu tại IUH

| Biến quan sát (Item) | Câu hỏi khảo sát (survey item) | Mean (ĐTB) | SD (Độ lệch chuẩn) | Rank (Thứ hạng) |
|----------------------|---|------------|--------------------|-----------------|
| NT1 | Tôi có hiểu biết về các vấn đề quan trọng của đất nước và thế giới, như: hòa bình, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.... | 3,918 | 1,009 | 3,0 |
| NT2 | Tôi nhận thức rõ sự đa dạng và khác biệt về văn hóa, lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, giới tính, tôn giáo và các yếu tố xã hội khác | 3,955 | 0,995 | 2,0 |

| | | | | |
|-----|--|-------|-------|-----|
| NT3 | Tôi hiểu được sự gắn kết và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các vấn đề ở phạm vi địa phương, quốc gia và toàn cầu | 3,795 | 0,988 | 4,0 |
| NT4 | Tôi nhận thức rõ cơ hội, trách nhiệm và vai trò của bản thân với tư cách là công dân ở cấp độ địa phương, quốc gia và toàn cầu | 3,958 | 0,974 | 1,0 |

Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 4.1.1. cho thấy nhận thức của sinh viên về công dân toàn cầu nhìn chung ở mức khá cao, với sự khác biệt giữa các khía cạnh cụ thể: (1) Nhận thức về trách nhiệm và vai trò cá nhân (NT4) đạt điểm trung bình cao nhất (Mean = 3,958; SD = 0,974; Rank = 1). Điều này cho thấy sinh viên ý thức rõ ràng hơn về vai trò của bản thân trong vai trò công dân ở nhiều cấp độ xã hội, từ địa phương, quốc gia đến toàn cầu. (2) Nhận thức về sự đa dạng văn hóa – xã hội (NT2) có điểm trung bình cao (Mean = 3,955; SD = 0,995; Rank = 2). Kết quả này phản ánh sự hiểu biết tương đối tốt của sinh viên về sự khác biệt văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ và tôn giáo, tuy nhiên mức độ phân tán (SD gần 1) cho thấy sự chênh lệch nhất định giữa các cá nhân. (3) Hiểu biết về các vấn đề toàn cầu (NT1) như hòa bình, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đạt Mean = 3,918; Rank = 3. Mặc dù khá cao, song mức điểm này cho thấy sinh viên vẫn cần được củng cố thêm nhận thức và kiến thức về các vấn đề toàn cầu. (4) Hiểu biết về sự gắn kết giữa các vấn đề toàn cầu – quốc gia – địa phương (NT3) có điểm trung bình thấp nhất (Mean = 3,795; SD = 0,988; Rank = 4). Điều này phản ánh sự hạn chế trong khả năng nhìn nhận tính liên kết đa chiều của sinh viên.

Kết quả trên cho thấy sinh viên đã hình thành những nhận thức quan trọng liên quan đến vai trò, trách nhiệm của bản thân cũng như sự đa dạng văn hóa, những thành tố cốt lõi góp phần hình thành năng lực công dân toàn cầu. Tuy nhiên, các kết quả khảo sát cũng chỉ ra một số hạn chế cần được quan tâm trong quá trình hoạch định và tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm: (1) sinh viên chưa có cái nhìn đầy đủ và mang tính hệ thống về mối quan hệ tương tác giữa các vấn đề toàn cầu và bối cảnh Việt Nam. Đây là năng lực then chốt giúp người học hiểu được tính chất liên kết, phụ thuộc lẫn nhau của thế giới hiện đại, từ đó nâng cao khả năng phân tích, dự báo và đưa ra quyết định công dân có trách nhiệm. (2) mức độ hiểu biết của sinh viên về các vấn đề toàn cầu còn chưa đồng đều, thể hiện qua độ lệch chuẩn cao ở nhiều biến khảo sát. Điều này phản ánh sự khác biệt trong mức độ tiếp nhận thông tin, khả năng tiếp cận nguồn tri thức quốc tế và mức độ tham gia các hoạt động liên quan đến chủ đề công dân toàn cầu. Những hạn chế này có thể bắt nguồn từ việc sinh viên còn ít cơ hội tiếp xúc với các tình huống, hoạt động mang tính quốc tế; chương trình đào tạo chưa có nhiều học phần hoặc chuyên đề chuyên sâu về giáo dục công dân toàn cầu; và môi trường học tập chưa thật sự tạo điều kiện để người học phát triển tư duy liên văn hóa cũng như khả năng kết nối đa chiều. Những phân tích này đặt cơ sở quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường trải nghiệm thực tiễn quốc tế, hoàn thiện chương trình đào tạo và xây dựng môi trường giáo dục mở, đa văn hóa, góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển năng lực công dân toàn cầu ở sinh viên.

Do đó, để nâng cao nhận thức và phát triển năng lực công dân toàn cầu cho sinh viên, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như: (i) Tích hợp giáo dục công dân toàn cầu vào chương trình đào tạo, cần lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, công bằng xã hội và trách nhiệm công dân trong các học phần chính khóa. (ii) Tăng cường hoạt động trải nghiệm quốc tế, khuyến khích sinh viên tham gia các dự án cộng đồng, chương trình tình nguyện quốc tế hoặc trao đổi sinh viên, qua đó củng cố tư duy gắn kết giữa địa phương và toàn cầu. (iii) Xây dựng môi trường học tập đa văn hóa để tạo cơ hội giao lưu, hợp tác với sinh viên quốc tế và các chuyên gia nước ngoài nhằm mở rộng tầm nhìn, hình thành năng lực tương tác liên văn hóa. (iv) Ứng dụng công nghệ và truyền thông toàn cầu, cần mở rộng các diễn đàn học thuật trực tuyến, hội thảo khoa học quốc tế để sinh viên được tiếp cận và thảo luận về những vấn đề toàn cầu đương đại.

Như vậy, qua kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên IUH đã có nhận thức khá tốt về công dân toàn cầu, đặc biệt là về trách nhiệm cá nhân và sự đa dạng văn hóa. Tuy nhiên, hạn chế trong việc hiểu biết tính gắn kết đa chiều giữa các vấn đề toàn cầu và địa phương là điểm cần được chú trọng. Do đó, các giải pháp về chương trình đào tạo, hoạt động trải nghiệm, môi trường học tập đa văn hóa và ứng dụng công nghệ cần được triển khai đồng bộ để nâng cao năng lực công dân toàn cầu cho sinh viên, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

4.1.2. Kỹ năng về công dân toàn cầu

Hình thành và phát triển kỹ năng công dân toàn cầu cho sinh viên đóng vai trò quan trọng, giúp họ không chỉ thích ứng với môi trường đa văn hóa mà còn tham gia tích cực vào các hoạt động mang tính toàn cầu. Kỹ năng công dân toàn cầu không chỉ bao gồm kỹ năng học tập và làm việc trong môi trường số, mà còn là năng lực giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện và hành động có trách nhiệm. Để làm rõ thực trạng này, nghiên cứu đã khảo sát mức độ kỹ năng công dân toàn cầu của sinh viên IUH, cụ thể:

Bảng 4.1.2. Kết quả khảo sát kỹ năng của sinh viên về công dân toàn cầu tại IUH

| Biến quan sát (Item) | Câu hỏi khảo sát (survey item) | Mean (ĐTB) | SD (Độ lệch chuẩn) | Rank (Thứ hạng) |
|-----------------------------|--|-------------------|---------------------------|------------------------|
| KN1 | Tôi có khả năng tìm tòi, phân tích và phân biện các vấn đề trong học tập và đời sống xã hội | 3,655 | 0,918 | 6,0 |
| KN2 | Tôi có kỹ năng giao tiếp và xây dựng các mối quan hệ xã hội dựa trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau | 3,798 | 0,945 | 2,0 |
| KN3 | Tôi biết sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu, giao tiếp và tham gia hoạt động cộng đồng | 3,740 | 0,959 | 5,0 |
| KN4 | Tôi có khả năng tham gia các hoạt động tập thể, biết trao đổi, thảo luận và hợp tác để giải quyết vấn đề và ra quyết định chung | 3,788 | 0,954 | 4,0 |
| KN5 | Tôi ý thức rõ giá trị, niềm tin và vị trí của bản thân, đồng thời có khả năng tự học và phát triển năng lực cá nhân cũng như nghề nghiệp | 3,790 | 0,937 | 3,0 |
| KN6 | Tôi có khả năng giao tiếp và hợp tác hiệu quả với bạn bè hoặc đối tác quốc tế | 3,545 | 0,977 | 8,0 |
| KN7 | Tôi có thể thích ứng trong môi trường đa văn hóa và hội nhập với các nền văn hóa khác nhau trên thế giới | 3,603 | 0,998 | 7,0 |
| KN8 | Tôi có khả năng hành động một cách tự chủ, hợp tác và có trách nhiệm nhằm hướng tới hòa bình, công bằng và phát triển bền vững | 3,808 | 0,950 | 1,0 |

Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 4.1.2. cho thấy kỹ năng công dân toàn cầu của sinh viên có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm kỹ năng. Đó là: Kỹ năng hành động có trách nhiệm (KN8) có điểm trung bình cao nhất (Mean = 3,808; SD = 0,950; Rank = 1), phản ánh sự sẵn sàng hành động của sinh viên theo định hướng hòa bình, công bằng và phát triển bền vững. Kỹ năng giao tiếp xã hội dựa trên hợp tác và tôn trọng (KN2) đạt Mean = 3,798; Rank = 2, cho thấy sinh viên có khả năng duy trì quan hệ xã hội tích cực. Kỹ năng phát triển bản thân và tự học (KN5) đạt Mean = 3,790; Rank = 3, thể hiện ý thức rõ ràng của sinh viên trong việc phát triển năng lực cá nhân và nghề nghiệp. Kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm (KN4) có điểm trung bình 3,788; Rank = 4, phản ánh khả năng tham gia vào các hoạt động tập thể, trao đổi và giải quyết vấn đề. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (KN3) đạt Mean = 3,740; Rank = 5, cho thấy kỹ năng số của sinh viên ở mức khá, nhưng vẫn cần nâng cao để đáp ứng yêu cầu xã hội số hóa. Kỹ năng tư duy phản biện (KN1) có điểm trung bình thấp hơn (Mean = 3,655; Rank = 6), cho thấy năng lực phân tích và

phân biệt các vấn đề còn hạn chế. Kỹ năng thích ứng đa văn hóa (KN7) đạt Mean = 3,603; Rank = 7, phản ánh khó khăn của sinh viên khi tham gia môi trường học tập và làm việc đa văn hóa. Kỹ năng giao tiếp quốc tế (KN6) thấp nhất (Mean = 3,545; SD = 0,977; Rank = 8), cho thấy hạn chế lớn của sinh viên trong khả năng giao tiếp và hợp tác với bạn bè, đối tác quốc tế.

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên IUH đã hình thành và phát triển tương đối tốt một số kỹ năng quan trọng của công dân toàn cầu, đặc biệt là kỹ năng hành động có trách nhiệm (KN8), kỹ năng hợp tác xã hội (KN2, KN4) và kỹ năng phát triển cá nhân (KN5). Đây là những năng lực nền tảng phản ánh sự chủ động, tinh thần trách nhiệm và khả năng hợp tác, những phẩm chất cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tuy nhiên, các kỹ năng có tính chất hội nhập sâu rộng và gắn trực tiếp với năng lực tham gia vào môi trường quốc tế, như tư duy phân biệt (KN1), khả năng thích ứng đa văn hóa (KN7) và kỹ năng giao tiếp quốc tế (KN6), vẫn còn ở mức hạn chế. Thực trạng này cho thấy sinh viên chưa được tạo điều kiện đầy đủ để tiếp cận với các tình huống học tập và trải nghiệm mang tính quốc tế; đồng thời chương trình đào tạo chính khóa chưa tích hợp một cách hệ thống các nội dung, hoạt động hoặc phương pháp phát triển kỹ năng toàn cầu. Từ những ý nghĩa của kết quả này, để nâng cao năng lực công dân toàn cầu cho sinh viên, nhà trường cần chú trọng xây dựng môi trường học tập mở, tăng cường cơ hội giao lưu quốc tế và đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tích hợp các kỹ năng toàn cầu một cách bài bản và thực chất.

Từ kết quả nghiên cứu, cần nghiên cứu áp dụng một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng công dân toàn cầu cho sinh viên, cụ thể: (i) Phát triển tư duy phân biệt, nên áp dụng phương pháp dạy học tích cực, học tập dựa trên tình huống và thảo luận nhóm để rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá và phân biệt. (ii) Tạo cơ hội trải nghiệm đa văn hóa, nhà trường cần tổ chức các chương trình giao lưu, trao đổi sinh viên quốc tế và hoạt động ngoại khóa đa văn hóa nhằm giúp sinh viên rèn luyện khả năng thích ứng. (iii) Nâng cao năng lực giao tiếp quốc tế, cần tăng cường đào tạo ngoại ngữ kết hợp với kỹ năng mềm về đàm phán, làm việc nhóm trong môi trường quốc tế. (iv) Ứng dụng công nghệ số trong học tập và giao lưu toàn cầu, phải khuyến khích sinh viên tham gia các khóa học trực tuyến quốc tế, diễn đàn khoa học, và dự án hợp tác xuyên biên giới.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ năng công dân toàn cầu của sinh viên IUH đã đạt mức khá ở một số khía cạnh quan trọng như hành động có trách nhiệm, hợp tác xã hội và phát triển bản thân. Tuy nhiên, các kỹ năng hội nhập như tư duy phân biệt, thích ứng đa văn hóa và giao tiếp quốc tế vẫn còn hạn chế. Do đó, cần có các giải pháp đồng bộ từ chương trình đào tạo, hoạt động trải nghiệm, giao lưu quốc tế đến ứng dụng công nghệ, nhằm phát triển toàn diện kỹ năng công dân toàn cầu cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

4.1.3. Thái độ về công dân toàn cầu

Để tìm hiểu thái độ của sinh viên về công dân toàn cầu, nghiên cứu tiến hành khảo sát với 6 biến quan sát phản ánh những khía cạnh cơ bản trong hệ giá trị và hành vi liên quan, cụ thể:

Bảng 4.1.3. Kết quả khảo sát thái độ của sinh viên về công dân toàn cầu tại IUH

| Biến quan sát (Item) | Câu hỏi khảo sát (survey item) | Mean (ĐTB) | SD (Độ lệch chuẩn) | Rank (Thứ hạng) |
|-----------------------------|---|-------------------|---------------------------|------------------------|
| TD1 | Tôi nuôi dưỡng tình yêu đối với quê hương, đất nước và gia đình | 4,243 | 0,985 | 1,0 |
| TD2 | Tôi biết quan tâm, đồng cảm, chia sẻ và đoàn kết với những người xung quanh | 4,095 | 0,982 | 3,0 |
| TD3 | Tôi tôn trọng sự khác biệt và tính đa dạng, đồng thời trân trọng giá trị văn hóa của dân tộc mình cũng như của các dân tộc khác | 4,153 | 1,033 | 2,0 |
| TD4 | Tôi thể hiện sự tôn trọng và cam kết với các giá trị dân chủ, nhân quyền và công bằng xã hội | 4,080 | 0,988 | 4,0 |
| TD5 | Tôi quan tâm đến các vấn đề môi trường và sẵn sàng tham gia tìm kiếm giải pháp cho các thách thức toàn cầu | 3,915 | 1,020 | 6,0 |

| | | | | |
|-----|---|-------|-------|-----|
| TD6 | Tôi lựa chọn sống và hành động theo lẽ phải, hướng đến những giá trị tốt đẹp chung, cam kết vì lợi ích cộng đồng, quốc gia và nhân loại | 4,040 | 1,037 | 5,0 |
|-----|---|-------|-------|-----|

Kết quả được trình bày tại Bảng 4.1.3 cho thấy mức độ đồng thuận nhìn chung khá cao, với điểm trung bình dao động từ 3,915 đến 4,243 trên thang đo Likert 5 mức. Điều này phản ánh rằng sinh viên IUH có thái độ tích cực đối với các giá trị nền tảng của công dân toàn cầu. (a) Nội dung “Tôi nuôi dưỡng tình yêu đối với quê hương, đất nước và gia đình” (TD1) có điểm trung bình cao nhất (Mean = 4,243; SD = 0,985; Rank = 1). Kết quả này cho thấy tình yêu quê hương, gia đình và sự gắn bó với cội nguồn vẫn là giá trị trọng tâm trong hệ thái độ của sinh viên. Đây cũng là điểm xuất phát quan trọng để hình thành tinh thần công dân toàn cầu, bởi từ việc yêu thương và trách nhiệm với cộng đồng gần gũi, cá nhân mới có thể mở rộng ra phạm vi xã hội, quốc gia và nhân loại. (2) thái độ “Tôn trọng sự khác biệt và tính đa dạng, đồng thời trân trọng giá trị văn hóa của dân tộc mình cũng như của các dân tộc khác” (TD3) có điểm trung bình khá cao (Mean = 4,153; SD = 1,033; Rank = 2). Điều này cho thấy sinh viên đã bước đầu hình thành sự cởi mở và tinh thần chấp nhận đa dạng văn hóa – yếu tố then chốt trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. (3) nội dung “Tôi biết quan tâm, đồng cảm, chia sẻ và đoàn kết với những người xung quanh” (TD2) đạt Mean = 4,095 (SD = 0,982; Rank = 3), phản ánh thái độ gắn kết xã hội và năng lực hợp tác. Đây là một trong những đặc trưng quan trọng của công dân toàn cầu, thể hiện khả năng tham gia xây dựng các mối quan hệ xã hội tích cực và bền vững.

Kết quả khảo sát cho thấy các thái độ liên quan đến cam kết với các giá trị dân chủ, nhân quyền và công bằng xã hội (TD4, Mean = 4,080; SD = 0,988; Rank = 4) cũng như hành động vì lợi ích cộng đồng, quốc gia và nhân loại (TD6, Mean = 4,040; SD = 1,037; Rank = 5) đều đạt mức trung bình trên 4. Điều này phản ánh rằng sinh viên đã có sự quan tâm nhất định đến trách nhiệm xã hội và các giá trị phổ quát của công dân toàn cầu. Tuy nhiên, mức độ đồng thuận chưa thực sự nổi bật cho thấy những giá trị mang tính khái quát toàn cầu – như dân chủ, nhân quyền hay công bằng xã hội – tuy đã được tiếp nhận về mặt nhận thức nhưng vẫn chưa được chuyển hóa mạnh mẽ thành thái độ chủ động hoặc hành động cụ thể trong đời sống hàng ngày.

Đáng chú ý, thái độ liên quan đến quan tâm các vấn đề môi trường và sẵn sàng tham gia giải quyết thách thức toàn cầu (TD5) có điểm trung bình thấp nhất trong nhóm (Mean = 3,915; SD = 1,020; Rank = 6). Kết quả này chỉ ra rằng mặc dù sinh viên nhận thức được mức độ cấp bách của các vấn đề môi trường, nhưng mức độ cam kết và sự tham gia thực tế vào các hoạt động bảo vệ môi trường và phát triển bền vững còn hạn chế. Từ đó cho thấy cần có các giải pháp nhằm tăng cường giáo dục giá trị toàn cầu, thúc đẩy hành vi công dân tích cực và tạo môi trường – cơ hội để sinh viên chuyển hóa nhận thức thành hành động cụ thể trong các lĩnh vực như công bằng xã hội, phát triển bền vững và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Từ những kết quả phân tích trên, có thể rút ra một số hàm ý giải pháp như sau: (i) Nhà trường cần tăng cường các hoạt động giáo dục trải nghiệm gắn với những vấn đề toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực môi trường, biến đổi khí hậu và công bằng xã hội, nhằm thúc đẩy sự chuyển hóa từ nhận thức thành thái độ và hành vi cụ thể. (ii) Cần lồng ghép nội dung giáo dục công dân toàn cầu vào chương trình đào tạo, qua đó hình thành cho sinh viên hệ giá trị thống nhất giữa truyền thống dân tộc và chuẩn mực quốc tế. (iii) Tổ chức các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế và dự án cộng đồng để sinh viên có cơ hội thực hành, rèn luyện tinh thần trách nhiệm xã hội, năng lực hợp tác và cam kết hành động. (iv) Phát huy những giá trị vốn có như lòng yêu nước, tình cảm gia đình, song song với việc bồi dưỡng năng lực thích ứng, tư duy toàn cầu và khả năng chung sống hài hòa trong sự đa dạng.

Tóm lại, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên IUH đã có nền tảng thái độ tích cực đối với công dân toàn cầu. Tuy nhiên, vẫn cần sự hỗ trợ từ phía nhà trường và xã hội trong việc tạo môi trường, cơ hội và cơ chế để những thái độ tích cực này phát triển bền vững và gắn liền với hành động cụ thể.

4.2. Giáo dục công dân toàn cầu tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giáo dục sinh viên trở thành công dân toàn cầu là một trong những định hướng quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục đại học của Việt Nam hiện nay. Với vai trò là một cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong lĩnh vực công nghiệp và công nghệ, IUH đã có nhiều nỗ lực nhằm xây dựng môi trường học tập mang tính quốc tế, tạo điều kiện để sinh viên hình thành các phẩm chất, năng lực và tư duy của công dân toàn cầu.

Trước hết, có thể khẳng định rằng hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường đã được mở rộng đáng kể cả về quy mô và hình thức. Trong những năm gần đây, nhà trường đã đón tiếp 50 lượt khách quốc tế và

ký kết 15 thỏa thuận hợp tác với nhiều đối tác đến từ các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Pháp, Đài Loan, Thái Lan và Ma-lai-xi-a. Các hình thức hợp tác đa dạng, bao gồm trao đổi học thuật, ký kết MOU, hợp tác nghiên cứu, tham gia hội thảo quốc tế và các hoạt động kiểm định chất lượng, đã góp phần tạo nên môi trường học thuật có tính quốc tế cao.

Bảng 4.2.1. Bảng thống kê về hoạt động kết nối và mở rộng hợp tác quốc tế

| Chỉ tiêu | Số lượng | Ghi chú |
|-------------------------------|--|---|
| Lượt khách quốc tế đến trường | 50 lượt | Gồm trường học, doanh nghiệp, tổ chức từ nhiều quốc gia |
| Thỏa thuận hợp tác ký kết | 15 thỏa thuận | Đối tác: Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Pháp, Thái Lan, Ma-lai-xi-a |
| Hình thức hợp tác | Trao đổi cơ hội hợp tác; Ký kết MOU và hợp đồng; Giảng dạy, nghiên cứu; Tham gia hội thảo, kiểm định, khảo sát | |

(Nguồn: IUH, 2025, tr.28-29)

Bên cạnh đó, hoạt động trao đổi giảng viên – sinh viên quốc tế có bước phát triển rõ rệt. Hơn 140 sinh viên quốc tế đã đến học tập, trong khi 66 sinh viên Việt Nam tham gia các chương trình trao đổi và thực tập tại Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để sinh viên được tiếp xúc trực tiếp với môi trường học tập quốc tế, qua đó hình thành khả năng giao tiếp liên văn hóa, nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng thích ứng toàn cầu.

Bảng 4.2.2. Bảng thống kê chương trình trao đổi giảng viên – sinh viên tại IUH

| Nội dung | Số lượng/Phạm vi | Quốc gia liên quan |
|--|------------------|---|
| Đoàn giảng viên ra nước ngoài học tập, tập huấn | 07 đoàn | Chưa nêu cụ thể quốc gia |
| Sinh viên quốc tế đến học tại Trường | >140 sinh viên | Đức, Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Pháp, Bỉ, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan... |
| Sinh viên Việt Nam đi trao đổi, thực tập quốc tế | 66 sinh viên | Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan |
| Liên kết lãnh sự đoàn, hội hữu nghị | Có | Hoạt động quy mô cấp Trường, thường xuyên tổ chức sự kiện |

(Nguồn: IUH, 2025, tr.28-29)

Song song với đó, các dự án hợp tác quốc tế được triển khai theo hướng gắn kết chặt chẽ với mục tiêu đào tạo. Các dự án tiêu biểu như “Trung tâm Hàn ngữ Sejong 5”, “MOLDEX3D Academic Industrial”, “PIUS Project” hay “Erasmus+” đã cung cấp cơ hội học tập ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ hiện đại, đồng thời tạo môi trường giao lưu học thuật đa chiều. Đặc biệt, số lượng giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy tăng nhanh từ 4 người (năm 2020) lên 50 người (năm 2024), góp phần tạo dựng môi trường học tập đa văn hóa, thúc đẩy sinh viên phát triển tư duy toàn cầu.

Bảng 4.2.3. Bảng thống kê các dự án quốc tế tiêu biểu tại IUH

| Tên dự án | Đối tác / Quốc gia | Nội dung chính | Kết quả / Số liệu |
|--|--------------------------------------|--|--------------------------------|
| Trung tâm Hàn ngữ Sejong 5 | Đại học Sức khỏe Wonkwang – Hàn Quốc | Đào tạo tiếng Hàn (Sơ – Trung cấp – Kinh doanh), giao lưu văn hóa Việt – Hàn | > 700 học viên |
| MOLDEX3D Academic Industrial | CORETECH SYSTEM – Đài Loan | Cung cấp 30 bộ phần mềm bản quyền, tập huấn cho 30 giảng viên | Kinh phí 1,5 triệu USD |
| PIUS Project | JICA và Công ty Murakami – Nhật Bản | Xây dựng chương trình đào tạo nghề xe điện, chuyển giao mô hình xe điện | Triển khai 2024 |
| Kết nối tri thức – Cộng đồng thanh niên châu Á | Quỹ Á – Âu | Mời chuyên gia, giáo sư quốc tế (Nhật, Hàn, Đài Loan...) giảng dạy chuyên đề | Nâng cao năng lực liên văn hóa |

| | | | |
|----------|---|---------------------------------------|------------------------|
| Erasmus+ | Đại học Kozminski và Powislanski – Ba Lan | Trao đổi giảng viên giảng dạy quốc tế | 02 giảng viên tham gia |
|----------|---|---------------------------------------|------------------------|

(Nguồn: IUH, 2025, tr.28-29)

4.2.4. Bảng thống kê giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại IUH

| Năm học | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---|------|------|------|------|------|
| Giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy, nghiên cứu | 4 | 8 | 12 | 23 | 50 |

(Nguồn: IUH, 2025, tr.28-29)

Ngoài ra, các chương trình liên kết đào tạo quốc tế theo mô hình 2+2, 3+1, song bằng với các trường đại học ở Mỹ, Canada, Hungary, Đài Loan và Thái Lan mở ra nhiều lựa chọn học tập cho sinh viên, giúp họ tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và hình thành tầm nhìn toàn cầu.

Bảng 4.2.5. Bảng thống kê các chương trình liên kết, đào tạo quốc tế tại IUH

| Mô hình / Chương trình | Đối tác | Ghi chú |
|------------------------|---|---|
| 2+2 | Đại học Angelo State (Mỹ) | Ngành Quản trị Kinh doanh |
| MBA 1+1 | ASU (Mỹ) | Đào tạo sau đại học |
| 3+1 (Kỹ thuật) | Nhiều đối tác | Các ngành kỹ thuật |
| 3+1 | Cao đẳng Algonquin (Canada) | Trao đổi sinh viên |
| 2+2 | Đại học Kasem Bundit (Thái Lan), Đại học Quốc lập Cao Hùng (Đài Loan) | Hợp tác đào tạo |
| Song bằng | Đại học MATE (Hungary) | Phát triển chương trình đào tạo song bằng |

(Nguồn: IUH, 2025, tr.28-29)

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, quá trình giáo dục sinh viên trở thành công dân toàn cầu vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục, cụ thể: (1) quy mô chương trình trao đổi quốc tế còn hạn chế so với tổng số sinh viên của nhà trường. Con số 66 sinh viên tham gia trao đổi quốc tế tuy đã có bước tiến nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Điều này cho thấy cơ hội tiếp cận quốc tế của sinh viên vẫn chưa thực sự rộng mở; (2) các hoạt động hợp tác quốc tế tập trung chủ yếu ở một số ngành như kinh tế, kỹ thuật và ngoại ngữ. Nhiều ngành học khác chưa có nhiều chương trình liên kết hoặc cơ hội trao đổi quốc tế, dẫn đến sự không đồng đều trong phát triển năng lực toàn cầu của sinh viên; (3) phần lớn hoạt động hợp tác mới dừng ở các chương trình ngắn hạn, hội thảo, tập huấn. Các chương trình nghiên cứu chung, học kỳ quốc tế toàn phần hoặc các chương trình đào tạo tích hợp chuẩn quốc tế vẫn còn ít, làm hạn chế chiều sâu và tính bền vững của hợp tác; (4) chính sách học bổng, hỗ trợ tài chính, tư vấn định hướng nghề nghiệp quốc tế còn chưa phong phú, khiến nhiều sinh viên có năng lực chưa đủ điều kiện tiếp cận cơ hội học tập toàn cầu.

Từ thực trạng nêu trên, để nâng cao hiệu quả giáo dục sinh viên trở thành công dân toàn cầu, nhà trường cần triển khai một số giải pháp mang tính chiến lược như: Mở rộng quy mô và đa dạng hóa các chương trình hợp tác quốc tế, đặc biệt ở những ngành học còn ít cơ hội hội nhập; Phát triển các chương trình trao đổi, thực tập quốc tế dài hạn, gắn với mô hình song bằng hoặc học kỳ quốc tế; Tăng cường đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng mềm, kỹ năng liên văn hóa và tư duy phản biện nhằm nâng cao khả năng thích ứng toàn cầu cho sinh viên; Xây dựng quỹ học bổng, hỗ trợ tài chính để mở rộng cơ hội tiếp cận cho sinh viên có năng lực nhưng hạn chế về điều kiện kinh tế; Đẩy mạnh hoạt động tư vấn và định hướng nghề nghiệp toàn cầu, giúp sinh viên xác định rõ mục tiêu, lộ trình phát triển trong môi trường quốc tế.

4.3. Giáo dục công dân toàn cầu tại khu vực Đông Nam Á

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập khu vực ngày càng sâu rộng, giáo dục công dân toàn cầu đã trở thành một định hướng quan trọng trong chính sách giáo dục của nhiều quốc gia Đông Nam Á. Báo cáo chính sách Promoting Global Citizenship Education: Policies and Practices in Southeast Asia do UNICEF và SEAMEO công bố năm 2023 cung cấp một bức tranh tương đối toàn diện về mức độ tích hợp giáo dục công dân toàn cầu trong hệ thống giáo dục của các quốc gia trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Việc đối sánh các kết quả này với thực tiễn giáo dục đại học tại Việt Nam cho phép đặt nghiên cứu trong

một khung so sánh khu vực, qua đó làm rõ cả những điểm tương đồng lẫn những khoảng trống cần tiếp tục hoàn thiện, cụ thể:

Thứ nhất, mức độ thể chế hóa giáo dục công dân toàn cầu ở cấp chính sách. Một trong những chỉ báo quan trọng phản ánh mức độ ưu tiên của công dân toàn cầu là việc xây dựng định nghĩa thống nhất ở cấp quốc gia. Theo số liệu khảo sát của UNICEF Innocenti (2022), trong số các quốc gia Đông Nam Á được khảo sát, chỉ Campuchia và Phi-líp-pin có định nghĩa công dân toàn cầu thống nhất ở cấp quốc gia, trong khi các quốc gia còn lại bao gồm Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, Lào và Mi-an-ma chưa hình thành một khung khái niệm riêng cho giáo dục công dân toàn cầu.

Bảng 4.3.1. Thực trạng xây dựng định nghĩa quốc gia về giáo dục công dân toàn cầu

| STT | Quốc gia | Có định nghĩa công dân toàn cầu thống nhất |
|-----|-------------|--|
| 1 | Campuchia | Có |
| 2 | Phi-líp-pin | Có |
| 3 | Ma-lai-xi-a | Không |
| 4 | Thái Lan | Không |
| 5 | Lào | Không |
| 6 | Mi-an-ma | Không |
| 7 | Việt Nam | Không |

Nguồn: UNICEF Innocenti Survey, 2022

Kết quả này cho thấy Việt Nam không phải là trường hợp ngoại lệ, mà nằm trong xu hướng chung của khu vực khi giáo dục công dân toàn cầu chủ yếu được lồng ghép thông qua các định hướng rộng như giáo dục công dân, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống hoặc kỹ năng thế kỷ XXI. Cách tiếp cận này tạo điều kiện linh hoạt trong triển khai, nhưng đồng thời cũng làm giảm tính hệ thống, gây khó khăn cho việc đánh giá hiệu quả và so sánh kết quả giữa các cơ sở giáo dục.

Thứ hai, so sánh mức độ tích hợp nội dung giáo dục công dân toàn cầu trong chương trình giáo dục ở các quốc gia. Ở cấp độ chương trình đào tạo, dữ liệu UNICEF cho thấy giáo dục công dân toàn cầu tại Đông Nam Á chủ yếu được tích hợp trong các môn học hiện hành thay vì được thiết kế thành môn học độc lập. Tuy nhiên, mức độ nhấn mạnh các nội dung cốt lõi của giáo dục công dân toàn cầu có sự khác biệt rõ rệt giữa các quốc gia, đó là:

Bảng 4.3. 2. Mức độ tích hợp các nội dung giáo dục công dân toàn cầu trong chương trình giáo dục

| Nội dung giáo dục công dân toàn cầu | Ma-lai-xi-a | Phi-líp-pin | Thái Lan | Lào | Việt Nam |
|---|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Dân chủ và quyền công dân | Chủ đề riêng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng | Chủ đề riêng | Lồng ghép rộng |
| Nhân quyền | Chủ đề riêng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng | Chủ đề riêng | Lồng ghép rộng |
| Tư duy phản biện | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng | Chưa tích hợp | Lồng ghép rộng |
| Phát triển bền vững, môi trường | Chủ đề riêng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng |
| Các vấn đề toàn cầu và liên kết quốc tế | Chủ đề riêng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng | Lồng ghép rộng |

Nguồn: UNICEF Innocenti Survey, 2022

So sánh cho thấy Việt Nam có mức độ tích hợp nội dung giáo dục công dân toàn cầu tương đối tương đồng với Phi-líp-pin và Thái Lan, đặc biệt trong các nội dung về dân chủ, nhân quyền và phát triển bền vững. Tuy nhiên, giống nhiều quốc gia trong khu vực, các nội dung mang tính năng lực cao như tư duy phản biện và hiểu biết về môi liên hệ toàn cầu, địa phương chưa được làm nổi bật như những mục tiêu đào tạo độc lập.

Điều này phản ánh rõ trong kết quả nghiên cứu tại IUH nơi sinh viên đạt mức điểm khá cao ở các chỉ báo nhận thức và thái độ, nhưng còn hạn chế ở các kỹ năng tư duy phản biện, thích ứng đa văn hóa và giao tiếp quốc tế, những năng lực cốt lõi của công dân toàn cầu trong bối cảnh hội nhập.

Thứ ba, so sánh các rào cản trong triển khai giáo dục công dân toàn cầu. Bên cạnh chính sách và chương trình, các quốc gia Đông Nam Á cũng ghi nhận nhiều rào cản tương đồng trong quá trình triển khai giáo dục công dân toàn cầu vào thực tiễn giáo dục, cụ thể:

Bảng 4.3.3. Các thách thức trong triển khai giáo dục công dân toàn cầu tại các quốc gia

| Thách thức chính | Các quốc gia ghi nhận |
|--|---|
| Thiếu học liệu và tài nguyên giảng dạy | Campuchia, Lào, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma, Thái Lan |
| Hạn chế về kinh phí | Campuchia, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma, Thái Lan |
| Thiếu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên | Campuchia, Lào, Phi-líp-pin |
| Chương trình quá tải, thiếu liên thông | Campuchia, Ma-lai-xi-a, Thái Lan |
| Thiếu cơ chế đánh giá việc triển khai | Phi-líp-pin, Thái Lan, Việt Nam |

Nguồn: UNICEF Innocenti Survey, 2022

Đáng chú ý, Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia chưa có cơ chế đánh giá hệ thống đối với việc triển khai giáo dục công dân toàn cầu. Điều này giúp lý giải vì sao, trong nghiên cứu tại IUH, sinh viên tuy thể hiện thái độ tích cực đối với các giá trị công dân toàn cầu nhưng mức độ tham gia hành động thực tiễn và gắn kết quốc tế còn hạn chế. Khoảng cách giữa nhận thức, kỹ năng, thái độ không chỉ xuất phát từ cá nhân người học mà còn liên quan chặt chẽ đến điều kiện tổ chức, cơ chế hỗ trợ và môi trường giáo dục.

Thứ tư, Việt Nam và IUH trong bức tranh khu vực Đông Nam Á. Dữ liệu từ SEA-PLM 2019 cho thấy một xu hướng đáng chú ý trong khu vực Đông Nam Á, mặc dù khoảng 70% người học cho biết đã được tiếp cận các nội dung về môi trường và biến đổi khí hậu, chỉ khoảng 52% được học về mối liên hệ giữa các vấn đề toàn cầu và bối cảnh quốc gia. Khoảng cách này phản ánh sự hạn chế trong việc chuyển hóa tri thức toàn cầu thành hiểu biết gắn với hành động cụ thể. Xu hướng trên có sự tương đồng rõ rệt với kết quả nghiên cứu tại IUH, khi sinh viên có nhận thức và thái độ tích cực đối với các giá trị toàn cầu nhưng còn thiếu cơ hội và điều kiện để thực hành vai trò công dân toàn cầu trong môi trường học tập và xã hội. Do đó, trường hợp IUH không nên được xem là ngoại lệ, mà là biểu hiện cụ thể của một thách thức mang tính khu vực trong triển khai giáo dục công dân toàn cầu.

Từ góc độ so sánh, có thể khẳng định rằng giáo dục công dân toàn cầu ở Việt Nam đang nằm trong quỹ đạo phát triển chung của khu vực, được thừa nhận về mặt chính sách, tích hợp trong chương trình đào tạo, nhưng chưa đạt hiệu quả cao trong việc phát triển năng lực hành động của người học. Những phân tích đối sánh khu vực này không chỉ làm rõ bối cảnh của nghiên cứu, mà còn cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho các giải pháp được đề xuất trong bài báo, hướng tới thu hẹp khoảng cách giữa mục tiêu giáo dục công dân toàn cầu và năng lực thực tiễn của sinh viên.

5. THẢO LUẬN

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu về giáo dục sinh viên hướng đến công dân toàn cầu tại IUH, phần thảo luận tập trung phân tích các phát hiện chính của nghiên cứu trong mối liên hệ với khung lý thuyết và các nghiên cứu trước đó, qua đó làm rõ những vấn đề đặt ra đối với giáo dục công dân toàn cầu trong giáo dục đại học Việt Nam hiện nay, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về mức độ nhận thức, kỹ năng và thái độ công dân toàn cầu của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên IUH nhìn chung có nhận thức và thái độ khá tích cực đối với các giá trị cốt lõi của công dân toàn cầu, như ý thức trách nhiệm xã hội, sự tôn trọng đa dạng văn hóa và mối quan tâm đến các vấn đề toàn cầu. Phát hiện này phù hợp với các khung lý thuyết của UNESCO, OECD và Oxfam, trong đó coi nhận thức và thái độ là nền tảng quan trọng trong quá trình hình thành năng lực công dân toàn cầu. Điều này phản ánh tác động bước đầu của các định hướng chính sách giáo dục, cũng như những nỗ lực của nhà trường trong việc lồng ghép nội dung hội nhập quốc tế và trách nhiệm xã hội vào chương trình đào tạo và hoạt động giáo dục.

Thứ hai, về sự chênh lệch giữa nhận thức, kỹ năng và thái độ về công dân toàn cầu của sinh viên. Mặc dù sinh viên có nhận thức và thái độ tích cực, song các kỹ năng công dân toàn cầu, đặc biệt là tư duy phản biện, giao tiếp quốc tế, khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa và

tham gia các hoạt động mang tính toàn cầu, vẫn còn hạn chế. Kết quả này cho thấy giáo dục công dân toàn cầu tại IUH hiện nay vẫn thiên về trang bị tri thức và định hướng giá trị, trong khi việc phát triển năng lực hành động của sinh viên chưa đạt hiệu quả tương xứng. Xu hướng này cũng được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu trong nước, cho thấy đây là một thách thức mang tính phổ biến của giáo dục công dân toàn cầu trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

Thứ ba, về các nguyên nhân tác động đến việc phát triển kỹ năng công dân toàn cầu. Sự hạn chế về kỹ năng công dân toàn cầu của sinh viên có thể được lý giải từ nhiều yếu tố. Một mặt, chương trình đào tạo đại học vẫn còn nặng về kiến thức chuyên môn, trong khi các phương pháp dạy học tích cực, học tập trải nghiệm, học tập dựa trên dự án hoặc các hoạt động gắn với bối cảnh toàn cầu chưa được triển khai đồng bộ. Mặt khác, cơ hội tham gia các chương trình trao đổi quốc tế, giao lưu đa văn hóa và dự án cộng đồng mang tính toàn cầu của sinh viên còn hạn chế, dẫn đến việc các giá trị và nhận thức tích cực khó được chuyển hóa thành kỹ năng và hành vi công dân toàn cầu cụ thể.

Thứ tư, đặt kết quả nghiên cứu trong bối cảnh so sánh trong phạm vi khu vực Đông Nam Á. Khi đối chiếu với các nghiên cứu và dữ liệu trong khu vực Đông Nam Á, có thể nhận thấy trường hợp IUH không phải là ngoại lệ. Người học trong khu vực nhìn chung có sự quan tâm đến các vấn đề toàn cầu, song còn gặp khó khăn trong việc gắn kết tri thức toàn cầu với bối cảnh quốc gia và hành động thực tiễn. Điều này cho thấy giáo dục công dân toàn cầu ở Việt Nam đang nằm trong quỹ đạo phát triển chung của khu vực, được thừa nhận về mặt chính sách và từng bước tích hợp vào giáo dục đại học, nhưng vẫn còn khoảng cách giữa mục tiêu giáo dục và năng lực thực tiễn của sinh viên.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng nghiên cứu trường hợp tại IUH đã cung cấp thêm những minh chứng thực nghiệm quan trọng cho các lập luận lý thuyết về giáo dục công dân toàn cầu trong giáo dục đại học Việt Nam, đồng thời làm rõ các vấn đề cần tiếp tục quan tâm trong việc phát triển đồng bộ nhận thức, kỹ năng và thái độ công dân toàn cầu cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

6. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

6.1. Kết luận

Nghiên cứu đã tập trung làm rõ thực trạng giáo dục sinh viên hướng đến công dân toàn cầu tại IUH thông qua ba khía cạnh cốt lõi: nhận thức, kỹ năng và thái độ. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên IUH nhìn chung có nhận thức và thái độ tích cực đối với các giá trị và chuẩn mực của công dân toàn cầu, đặc biệt thể hiện rõ qua nhu cầu học ngoại ngữ, năng lực giao tiếp đa văn hóa và tinh thần tôn trọng sự đa dạng. Đây là những yếu tố nền tảng quan trọng, phản ánh sự sẵn sàng của sinh viên trong việc thích ứng với bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng hành động thực tiễn của sinh viên còn hạn chế. Điều này được thể hiện qua việc sinh viên ít tham gia các hoạt động quốc tế, các dự án cộng đồng xuyên biên giới hoặc các chương trình trao đổi sinh viên. Kết quả này cho thấy khoảng cách nhất định giữa nhận thức, kỹ năng và thái độ, đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tạo ra môi trường và cơ chế hỗ trợ sinh viên thực hành vai trò công dân toàn cầu.

Về phía nhà trường, mặc dù đã có định hướng quốc tế hóa trong chiến lược phát triển, nhưng chưa cụ thể hóa thành các chương trình đào tạo và hoạt động hệ thống gắn với giáo dục công dân toàn cầu. Khoảng trống chủ yếu nằm ở việc thiếu khung năng lực rõ ràng, thiếu cơ hội trải nghiệm thực tiễn cũng như sự gắn kết chặt chẽ giữa hợp tác quốc tế của trường với chương trình đào tạo sinh viên.

Từ những kết quả trên, nghiên cứu khẳng định rằng để hình thành và phát triển công dân toàn cầu, chỉ truyền đạt kiến thức và giá trị là chưa đủ. Quá trình này đòi hỏi sự kết hợp giữa giáo dục tri thức với việc tạo điều kiện cho sinh viên tham gia hành động, trải nghiệm, và học tập trong môi trường quốc tế hóa. Đây cũng chính là thách thức chung của nhiều cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, đồng thời là định hướng quan trọng để IUH tiếp tục đổi mới trong giai đoạn tới.

6.2. Kiến nghị

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu và những phân tích về thực trạng nhận thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên trong việc tiếp cận giáo dục công dân toàn cầu, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả triển khai giáo dục công dân toàn cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Các kiến nghị được phân thành ba cấp độ: nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục và bản thân sinh viên.

Thứ nhất, đối với Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Nhà trường cần chủ động giữ vai trò hạt nhân trong việc triển khai giáo dục công dân toàn cầu cho sinh viên thông qua một số định hướng cụ thể: (1) Xây dựng khung năng lực công dân toàn cầu áp dụng thống nhất trong toàn trường, dựa trên ba trụ cột cơ bản: nhận thức, kỹ năng và thái độ. Khung năng lực này cần được xem như một chuẩn đầu ra bổ sung, bên cạnh chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng chuyên môn của sinh viên sau khi tốt nghiệp. (2) Tích hợp nội dung công dân toàn cầu vào các học phần hiện có, đặc biệt là các học phần ngoại ngữ, kỹ năng mềm, quản trị và môi trường. Sự tích hợp này sẽ giúp gắn kết tri thức chuyên môn với các năng lực cần thiết cho hội nhập quốc tế, đồng thời tránh việc dạy học tách rời, nặng về lý thuyết. (3) Mở rộng các hoạt động trải nghiệm quốc tế, bao gồm chương trình trao đổi sinh viên, dự án cộng đồng xuyên biên giới, thực tập tại doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Đây là điều kiện quan trọng để sinh viên có cơ hội rèn luyện và thực hành vai trò công dân toàn cầu trong môi trường thực tiễn. (4) Phát triển năng lực giảng viên thông qua các khóa bồi dưỡng, tập huấn về giáo dục công dân toàn cầu, phương pháp giảng dạy liên văn hóa và kỹ năng tổ chức hoạt động quốc tế cho sinh viên. Giảng viên cần được trang bị đầy đủ năng lực để truyền tải, định hướng và dẫn dắt sinh viên trong quá trình học tập và rèn luyện. (5) Tăng cường liên kết với doanh nghiệp và tổ chức quốc tế nhằm thiết kế các chương trình đào tạo gắn liền với thực tiễn. Đồng thời, xây dựng cơ hội cho sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu, học thuật và cộng đồng ở phạm vi toàn cầu, qua đó tạo điều kiện để hình thành năng lực công dân toàn cầu một cách bền vững.

Thứ hai, đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ở cấp độ quản lý vĩ mô, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đóng vai trò định hướng và bảo đảm tính thống nhất trong việc triển khai giáo dục công dân toàn cầu: (a) Ban hành khung chính sách quốc gia về giáo dục công dân toàn cầu, coi đây là một trong những định hướng chiến lược của đổi mới giáo dục đại học trong thời kỳ hội nhập quốc tế. (b) Khuyến khích quốc tế hóa giáo dục đại học bằng cách thúc đẩy các chương trình trao đổi học thuật, học bổng quốc tế và dự án hợp tác liên trường, liên quốc gia. Điều này sẽ giúp sinh viên có nhiều cơ hội tiếp cận tri thức đa chiều và trải nghiệm môi trường quốc tế. (c) Đầu tư nguồn lực cho các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt trong việc xây dựng, triển khai các chương trình và hoạt động gắn với giáo dục công dân toàn cầu. Việc đầu tư cần mang tính đồng bộ và bền vững để tạo nền tảng cho các trường phát triển lâu dài.

Thứ ba, đối với sinh viên

Sinh viên là chủ thể trực tiếp của quá trình giáo dục, do đó cần có sự chủ động và trách nhiệm trong việc hình thành năng lực công dân toàn cầu: (i) Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, cộng đồng và hợp tác quốc tế, coi đây là cơ hội để rèn luyện kỹ năng, mở rộng tầm nhìn và gia tăng trải nghiệm thực tiễn. (ii) Chủ động tự học và rèn luyện ngoại ngữ, kỹ năng mềm và kỹ năng liên văn hóa, xem đây là nền tảng quan trọng để thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa. (iii) Nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội, tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, từ đó kết nối việc học tập với hành động thực tiễn. Qua đó, sinh viên không chỉ phát triển năng lực cá nhân mà còn góp phần lan tỏa những giá trị nhân văn trong xã hội.

Tóm lại, việc triển khai giáo dục công dân toàn cầu đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và bản thân người học. Những kiến nghị trên không chỉ hướng tới việc nâng cao chất lượng đào tạo tại IUH, mà còn góp phần định hình chiến lược giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Nếu được thực hiện một cách nghiêm túc và bền vững, giáo dục công dân toàn cầu sẽ trở thành nền tảng quan trọng giúp sinh viên Việt Nam phát triển toàn diện, khẳng định vị thế trong môi trường toàn cầu hóa và đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Banks, J. A. (2008). Diversity, group identity, and citizenship education in a global age. *Educational Researcher*, 37(3), 129–139.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII* (Tập 1). Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Leask, B. (2015). *Internationalizing the curriculum*. Routledge.
- Lương Việt Thái và cộng sự. (2022). *Nghiên cứu về công dân toàn cầu Việt Nam (Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia giai đoạn 2016–2019, Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam)* (Mã số: KHGD/16-20.ĐT.009).
- Nguyễn Minh Trí. (2022). Tác động của toàn cầu hóa đến đào tạo công dân toàn cầu ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. *Tạp chí Khoa học Phát triển nhân lực*, (2), 75–83. ISSN: 1859-2732.
- Nguyễn Thanh Minh. (2021). Validating a scale for measuring students' perspectives toward global citizenship: A case at a private university in Vietnam. *Education Quarterly Reviews*. <https://doi.org/10.31014/aior.1993.04.03.362>.
- Nguyễn Thị Phương Hồng và cộng sự. (2025). Tổng quan lý thuyết về lý tưởng công dân toàn cầu trong giáo dục quốc tế: Những hàm ý vận dụng cho Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, kỳ 1, 8/2025.
- OECD. (2018). *Preparing our youth for an inclusive and sustainable world: The OECD PISA global competence framework*.
- Oxfam. (2015). *Education for global citizenship: A guide for schools*. Oxfam.
- Phạm Thị Thuý Vân. (2024). Global citizenship education: International experience and suggestions for global citizenship education in Vietnam's current civic education subject. *Conhecimento and Diversidade*, 16(43), 581–602. <https://doi.org/10.18316/rcd.v16i43.11984>.
- Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). *Báo cáo tổng kết năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 2025*.
- UNESCO. (2015). *Global citizenship: Topic and learning objectives*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- UNICEF và SEAMEO. (2023). *Promoting global citizenship education: Policies and practices in Southeast Asia*. United Nations Children's Fund (UNICEF) East Asia and Pacific Regional Office (EAPRO); UNICEF Innocenti – Global Office of Research and Foresight; Southeast Asian Ministers of Education Organization (SEAMEO).

GLOBAL CITIZENSHIP EDUCATION FOR UNIVERSITY STUDENTS: A CASE STUDY AT INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HO CHI MINH CITY

LE THANH HOA

Faculty of Law and Political Sciences, Industrial University of Ho Chi Minh City

Corresponding author: lethanhhoa@iuh.edu.vn

Abstract. In the context of globalization and international integration, global citizenship education has become a strategic priority in higher education development. This paper analyzes how students are educated to become global citizens at the Industrial University of Ho Chi Minh City (IUH). Drawing on theoretical frameworks on global citizenship proposed by UNESCO, OECD, and Oxfam, the study surveyed 400 students to assess their levels of awareness, skills, and attitudes toward global citizenship. The findings reveal that most students demonstrate positive perceptions of global citizenship; however, their foreign language proficiency, intercultural competencies, and ability to participate in global activities remain limited. The study also highlights IUH's efforts to integrate global citizenship education into academic programs and extracurricular activities, while identifying challenges such as limited resources and uneven access to international opportunities. Based on these findings, the paper proposes several solutions to enhance the effectiveness of global citizenship education for students in the context of global integration.

Keywords: global citizenship, students, higher education, international integration, Industrial University of Ho Chi Minh City.

Ngày nhận bài: 20/10/2025

Ngày nhận đăng: 30/12/2025